

Bản án số: 111/2026/DS-ST
Ngày 17 - 7 - 2026
V/v tranh chấp yêu cầu thanh toán
tiền thi hành án thay thế

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 19 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mùi.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Võ Thị Thu Thảo.

Bà Nguyễn Thị Nga.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Trịnh Thu Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 19 - Thành phố Hồ Chí Minh.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 19 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Đình Kiên - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 7 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 19 - Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 459/2025/TLST-DS ngày 19/11/2025 về việc “Tranh chấp yêu cầu thanh toán tiền thi hành án thay thế”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 137/2026/QĐXXST-DS ngày 08/5/2026, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Bà Nguyễn Thị Hồng P, sinh năm 1992; địa chỉ: Số A, khu phố B, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Lưu Thanh K; địa chỉ: Số A, tổ A, khóm L, phường T, tỉnh An Giang. (Theo Hợp đồng ủy quyền ngày 02/10/2025). Có mặt

- **Bị đơn:** Ông Lê Xuân Đ, sinh năm 1992; địa chỉ: Tổ A, ấp B, xã P, Thành phố Hồ Chí Minh. Vắng mặt

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Thi hành án dân sự Thành phố H; địa chỉ: Số C, N, phường A, Thành phố Hồ Chí Minh. Vắng mặt

2. Ngân hàng Thương mại Cổ phần (TMCP) (tên viết tắt: V); địa chỉ: Tầng A, tầng B, Tòa nhà S - A P, phường B, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là phường S, Thành phố Hồ Chí Minh). Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, ông Lưu Thanh K trình bày: Theo Bản án dân sự số 75/2024/DS-ST ngày 29/7/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương (nay là Tòa án nhân dân khu vực 16 - Thành phố Hồ Chí Minh). Quyết định buộc bà P và ông Lê Xuân Đ phải liên đới trả cho Ngân hàng TMCP Q (ngân hàng V) tổng số tiền là 1.732.435.196 đồng (một tỷ bảy trăm ba mươi hai triệu bốn trăm ba mươi lăm nghìn một trăm chín mươi sáu đồng). Nếu bà P và ông Đ không thanh toán nợ thì Ngân hàng TMCP Q có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án phát mại nhà và đất của bà P là thửa đất số 523, tờ bản đồ số 221 tọa lạc tại khu phố B, phường B, thành phố T, tỉnh Bình Dương (nay là khu phố B, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh) để thi hành bản án nêu trên. Khi bản án có hiệu lực pháp luật, ông Đ không thi hành mà đề nghị cơ quan Thi hành án phát mại nhà và đất của bà P. Vì vậy, bà P phải thanh toán toàn bộ khoản nợ của bà P và ông Đ với Ngân hàng TMCP Q. Sau khi được Ngân hàng giảm một phần lãi thì tổng số tiền bà P đã thanh toán là 1.598.217.598 đồng, trong đó thanh toán cho Ngân hàng là 1.566.217.598 đồng, án phí dân sự sơ thẩm là 32.000.000 đồng. Sau khi bà P thanh toán xong toàn bộ khoản nợ thì được Ngân hàng TMCP Q trả Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất bản chính cho bà P vào ngày 24/9/2025. Nay, bà P yêu cầu ông Lê Xuân Đ phải trả lại cho Nguyễn Thị Hồng P số tiền mà P đã thi hành án dân sự thay cho ông Đ tương đương $\frac{1}{2}$ tổng số tiền bà P đã thanh toán là 799.108.799 đồng, yêu cầu tính lãi suất 10%/năm từ ngày 20/11/2024 đến thời điểm xét xử sơ thẩm.

- Bị đơn ông Lê Xuân Đ đã được triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không lý do, không có ý kiến với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Tại Công văn số 21763/TB-THADS.KV16 ngày 15/7/2026 của Thi hành án dân sự khu vực 19 - Thành phố Hồ Chí Minh có ý kiến: Khoản phải thi hành án (án phí) của ông Lê Xuân Đ và bà Nguyễn Thị Hồng P là 63.963.056 đồng; bà P đã nộp 32.000.000 đồng, ông Đ nộp 4.500.000 đồng. Số tiền án phí ông Đ, bà P còn phải liên đới chịu là 27.473.056 đồng. Tại Quyết định thi hành án theo yêu cầu số 1368/QĐ-CCTHADS ngày 01/4/2025 thì Ngân hàng TMCP Q yêu cầu bà P, ông Đ phải thanh toán 866.217.598 đồng và lãi suất phát sinh từ ngày 30/7/2024. Ngày 09/10/2025, Ngân hàng TMCP Q có đơn đề nghị đình chỉ thi hành một phần yêu cầu thi hành án. Ngày 02/12/2025, Chấp hành viên lập biên bản về việc người thi hành án yêu cầu đình chỉ thi hành án nêu trên và ban hành Quyết định đình chỉ thi hành án số 397/QĐ-THADS (16).

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 19 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa có ý kiến:

Việc tuân theo pháp luật của người tiến hành tố tụng và của đương sự từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa là đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Căn cứ Bản án dân sự số 75/2024/DS-ST ngày 29/7/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương (nay là Tòa án nhân dân khu vực 16 - Thành phố Hồ Chí Minh) thì nguyên đơn và bị đơn có nghĩa vụ liên đới trả nợ cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q (V) số tiền 1.732.435.196 đồng. Nguyên đơn đã thanh toán toàn bộ khoản nợ cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q. Theo khoản 2 điều 288 của Bộ luật Dân sự quy định về thực hiện nghĩa vụ liên đới thì nguyên đơn có quyền yêu cầu bị đơn trả số tiền đã thanh toán cho ngân hàng. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét căn cứ vào khoản 2 Điều 288 của Bộ luật Dân sự năm 2015, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa; sau khi Kiểm sát viên phát biểu về việc chấp hành pháp luật tố tụng dân sự của người tiến hành tố tụng và của đương sự, về nội dung vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn nộp đơn khởi kiện Tranh chấp yêu cầu thanh toán tiền thi hành án thay thế với bị đơn tại Tòa án nhân dân khu vực 19 - Thành phố Hồ Chí Minh. Hiện bị đơn có hộ khẩu thường trú tại xã P, Thành phố Hồ Chí Minh. Do đó, quan hệ tranh chấp là “Tranh chấp yêu cầu thanh toán tiền thi hành án thay thế” được quy định tại khoản 12 Điều 26, Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2025.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Bị đơn ông Lê Xuân Đ đã được triệu tập hợp lệ lần thứ 02 (hai) để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2025.

[3] Xét chứng cứ nguyên đơn cung cấp: Bản án dân sự số 75/2024/DS-ST ngày 29/7/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương (nay là Tòa án nhân dân khu vực 16 - Thành phố Hồ Chí Minh). Quyết định buộc bà P và ông Lê Xuân Đ phải liên đới trả cho Ngân hàng TMCP Q tổng số tiền là 1.732.435.196 đồng (một tỷ bảy trăm ba mươi hai triệu bốn trăm ba mươi lăm nghìn một trăm chín mươi sáu đồng). Nguyên đơn đã nộp số tiền 866.217.598 đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thuận An ngày 20/11/2024, số biên lai: 0004298; Giấy nộp tiền số 7695056, ngày 24/9/2025 số tiền 695.000.000 đồng; Giấy nộp tiền số 7695111, ngày 24/9/2025 số tiền 5.000.000 đồng; Biên lai thu tiền thuế, phí, lệ phí số 0014978, ngày 01/11/2024 số tiền 32.000.000 đồng. Bị đơn không phản đối về chứng cứ do nguyên đơn cung cấp. Như vậy, chứng cứ nguyên đơn cung cấp là phù hợp với quy định.

[4] Xét yêu cầu của nguyên đơn: Xem xét chứng cứ nguyên đơn cung cấp thì xác định án phí nguyên đơn đã nộp là 32.000.000 đồng, án phí bị đơn đã nộp

theo quyết định của bản án đã tuyên là 4.500.000 đồng. Án phí còn phải thi hành của nguyên đơn, bị đơn là 27.473.056 đồng. Như vậy, số tiền án phí phải thi hành của nguyên đơn, bị đơn chưa thực hiện xong. Đối với số tiền phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP Q là 1.598.217.598 đồng, nguyên đơn đã thi hành xong, trong đó nộp ngày 20/10/2024 là 866.217.598 đồng; nộp ngày 24/9/2025 là 700.000.000 đồng. Do đó, nguyên đơn được quyền yêu cầu bị đơn phải thanh toán lại phần nghĩa vụ của bị đơn. Trách nhiệm liên đới của nguyên đơn và bị đơn đối với Ngân hàng TMCP Q là 1.598.217.598 đồng, nguyên đơn đã thực hiện xong nên bị đơn phải thanh toán $\frac{1}{2}$ nghĩa vụ cho nguyên đơn tương ứng số tiền 799.108.799 đồng.

[5] Về lãi suất: Nguyên đơn đã thực hiện toàn bộ nghĩa vụ liên đới nên bị đơn phải chịu lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự tương ứng 10%/năm. Tính lãi suất bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn như sau: Số tiền 866.217.598 đồng nguyên đơn thanh toán ngày 24/10/2024 nên lãi suất phát sinh từ ngày 24/10/2024, số tiền lãi đến ngày 17/7/2026, tương ứng 10%/năm là 149.827.957 đồng; số tiền 700.000.000 đồng nguyên đơn thanh toán ngày 24/9/2025 nên lãi suất phát sinh từ ngày 24/9/2025 đến ngày 17/7/2026, tương ứng 10%/năm là 56.910.959 đồng. Tổng số tiền lãi là 206.738.916 đồng, ông Đ phải thanh toán cho bà P $\frac{1}{2}$ lãi suất tương ứng số tiền 103.369.458 đồng. Tại phiên tòa nguyên đơn chỉ yêu cầu bị đơn phải thanh toán lãi suất là 96.000.000 đồng là thấp hơn số tiền lãi suất 10% bị đơn phải thanh toán. Do đó, yêu cầu về lãi suất của nguyên đơn được chấp nhận.

Tổng số tiền bị đơn ông Lê Xuân Đ phải thanh toán cho nguyên đơn bà Nguyễn Thị Hồng P là 895.108.799 đồng. Trong đó, nợ gốc là 799.108.799 đồng; nợ lãi là 96.000.000 đồng.

[6] Xét ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 19 - Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào,

- Khoản 12 Điều 26, các Điều 35, 91, 92, 147, 184, 227, 228, 238, 244, 266, 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2025;

- Các Điều 288, 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2025;

- Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Hồng P đối với bị đơn ông Lê Xuân Đ về việc “Tranh chấp yêu cầu thanh toán tiền thi hành án thay thế”.

Buộc bị đơn ông Lê Xuân Đ phải thanh toán cho nguyên đơn bà Nguyễn Thị Hồng P tổng số tiền 895.108.799 đồng (tám trăm chín mươi lăm triệu một trăm lẻ tám nghìn bảy trăm chín mươi chín đồng). Trong đó, nợ gốc là 799.108.799 đồng (bảy trăm chín mươi chín triệu một trăm lẻ tám nghìn bảy trăm chín mươi chín đồng); nợ lãi là 96.000.000 đồng (chín mươi sáu triệu đồng).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bị đơn ông Lê Xuân Đ phải nộp số tiền 38.853.264 đồng (ba mươi tám triệu tám trăm năm mươi ba nghìn hai trăm sáu mươi bốn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

- Hoàn trả cho nguyên đơn bà Nguyễn Thị Hồng P số tiền 19.426.631 đồng (mười chín triệu bốn trăm hai mươi sáu nghìn sáu trăm ba mươi một đồng) án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0039884 ngày 19/11/2025 của Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 36 và 71 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 34 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND khu vực 19 - Thành phố Hồ Chí Minh;
- Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Mùi